

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9 - 2022

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Sơn Điền;
2. Ông Nguyễn Quốc Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 675, ấp Nam Chánh, xã Lịch Hội Thượng, xã Tân An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Tổ 05, ấp Vĩnh TB, xã Vĩnh H, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Võ Thành N vắng mặt phiên tòa lần 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 8 tháng 6 năm 2022, và lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh H, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84 quyển số 01 ngày 26/6/2009.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện

tại đã không sống chung từ năm 2019 cho đến nay , vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về nuôi con chung: Chị H và anh N có 02 đứa con chung tên Võ Nguyễn Như H, sinh ngày 02/10/2009, Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/02/2015 hiện đang sống chung với anh N, đồng ý giao con chung cho anh N nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Nợ chung : Không có

Bị đơn anh Võ Thành N có hộ khẩu thường trú tại: Tổ 05, ấp Vĩnh TB, xã Vĩnh H, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Anh N không có mặt tại nơi cư trú. Do đó, Tòa án không ghi được lời khai của anh N, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng thông qua người thân cùng nơi cư trú với anh N, theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48; Điều 203; Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham giam tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 – 71- 72 - 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Võ Thành N vắng mặt phiên tòa lần 2, do đó căn cứ vào khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H với anh Võ Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01 ngày 26/6/2009. do UBND xã Vĩnh H, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Nguyễn Ngọc H và anh Võ Thành N không còn giá trị pháp lý.

- Về nuôi con chung: Giao 02 cháu tên Võ Nguyễn Như H, sinh ngày 02/10/2009, Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/02/2015 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi 02 cháu trưởng thành và tự lập được, chị H không phải dưỡng nuôi con chung (cháu Dương, Huỳnh có nguyên vọng sống với anh N).

Anh N tạo mọi điều kiện cho chị H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung : Chị H khai trong thời gian sống chung với anh N không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do anh N vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai nên không xác định được giữa chị H và anh N có tài sản chung và nợ chung không, do đó đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành N có địa chỉ cư trú tại: Tổ 05, ấp Vĩnh TB, xã Vĩnh H, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc H vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Võ Thành N vắng mặt phiên tòa lần 2, căn cứ vào khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh N

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Võ Thành N sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh H, thị xã Tân C, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01 ngày 26/6/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Cuộc sống chung hòa thuận, hạnh phúc được đến 2019 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, hiện tại đã không sống chung từ 2019 đến nay, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ được, chị H yêu cầu ly hôn với anh N.

Anh N vắng mặt tại nơi cư trú, do đó Tòa án không ghi được lời khai của anh N, qua xác minh thì được biết chị H và anh N sống chung không hạnh phúc, đã không sống chung từ năm 2019 đến nay.

Nhận thấy, theo quy định của pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống, tuy nhiên cuộc sống chung giữa chị H và anh N lại chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, đã bỏ mặt nhau trong thời gian dài, cả hai không có động thái hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này cho thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần cho ly hôn giữa chị H với anh N là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H và anh N có 02 đứa con chung tên Võ Nguyễn Như H, sinh ngày 02/10/2009, Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/02/2015 (đang sống với anh), chị H đồng ý giao 02 cháu H, D cho anh N nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Nhận thấy, các cháu H, D đã sống với anh N ổn định, đồng thời các cháu H, D có nguyện vọng tiếp tục sống chung với anh N, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao các cháu H, D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, chị H anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N tạo mọi điều kiện cho chị H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H khai trong thời gian sống chung với anh N không có tài sản chung và nợ chung, tuy nhiên do anh N vắng mặt nơi cư trú, không có lời khai nên không xác định được giữa chị H và anh N có tài sản chung và nợ chung không, do đó đề không đặt ra xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung, sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Văn Thị Gái phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự nhưng được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006396 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc H với anh Võ Thành N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 84, quyển số 01 ngày 26/6/2009. do UBND xã Vĩnh H, thị xã Tân C, tỉnh An Giang, cấp cho chị Nguyễn Ngọc H và anh Võ Thành N không còn giá trị pháp lý.

- *Về nuôi con chung*: Giao các cháu tên Võ Nguyễn Như H, sinh ngày 02/10/2009, Võ Nguyễn Thùy D, sinh ngày 03/02/2015 cho anh Võ Thành N tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành và tự lập được, chị Nguyễn Ngọc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Võ Thành N tạo mọi điều kiện cho chị Nguyễn Ngọc H đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006396 ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Võ Thành N vắng mặt tại phiên, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Phạm Hòa Bình